

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 – ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2026

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Bùi Thị Kim Xuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bạch Linh.

2. Bà Nguyễn Thị Phụng.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên toà:** Bà Trần Huỳnh Bảo Nhi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/01/2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 345/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/12/2025 và Quyết định hoãn số 84/2025/QĐST-DS ngày 30/12/2025, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số B, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Nhà trọ Ông 5 N, đường H, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Công M, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số B, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

*Có đơn xin vắng mặt:* Chị Nguyễn Thị Thanh T.

*Vắng mặt không lý do:* Anh Nguyễn Công M.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2025 chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Công M tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 20/12/2002. Sau khi kết hôn, chị L và anh M sống chung hạnh

phúc tại nhà của anh M. Thời gian sau này, anh M thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, phát sinh bạo hành, đánh đập chửi bới vợ con. Chị T đã cố gắng duy trì hôn nhân, nay con đã lớn và có cuộc sống riêng, anh M vẫn không thay đổi để xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ tháng 9/2023 đến nay, chị T đã sống ly thân với anh M. Do đó, chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Công M.

Về con chung: Chị T và anh Nguyễn Công M có 01 con chung tên Nguyễn Công Đ, sinh ngày 24/02/2002, đã đủ tuổi trưởng thành, có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Đối với bị đơn anh Nguyễn Công M:*** Anh M1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp nhưng anh M1 vắng mặt tại phiên họp không có lý do và cũng không cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Công M vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn là chị T chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh M vắng mặt không lý do đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T, cho chị T được ly hôn với anh M, về con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Công M cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS) xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Công M **đang sinh sống** tại địa

chị: Số B, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Chị T, anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và anh M vắng mặt không lý do. Anh M đang sống và làm việc tại địa phương theo công văn 06/CAX-CSKV ngày 13/01/2026 của Công an xã H thông tin. Đồng thời, anh M có ký nhận trực tiếp văn bản tố tụng của Tòa án. Như vậy, anh M đã biết được vụ kiện ly hôn này nhưng không đến Tòa theo giấy triệu tập. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại các Điều 228, 238 BLTTDS.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị T và anh M đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số 98 ngày 20/12/2002 đúng theo quy định, là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu ly hôn với anh M. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về mâu thuẫn: Giữa chị T và anh M là có phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân. Chị T cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu do anh M thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, phát sinh bạo hành đánh đập vợ con nhưng vì con còn nhỏ nên chị T cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân. Từ tháng 9/2023, chị T và anh M đã sống ly thân với nhau. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh M đã không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (viết tắt Luật HNGĐ) quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. ; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”

- Về khả năng hàn gắn: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã hòa giải, động viên để chị T hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ nhưng chị T cương quyết yêu cầu ly hôn. Đối với anh M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng để biết nội dung vụ án nhưng anh M không có mặt tại Tòa án và không có văn bản ý kiến thể hiện ý chí hàn gắn lại tình cảm với chị T. Cho nên, hôn nhân giữa chị T và anh M không giải quyết được mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn tình cảm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị T và anh M đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Công M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh M có một con chung tên Nguyễn Công Đ đã đủ tuổi trưởng thành, chị T xác định con chung không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để

tự nuôi mình nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh M không có ý kiến về nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh M không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị T được ly hôn với anh M, về con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 19, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Công M.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 20/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Một con chung tên Nguyễn Công Đ, sinh ngày 24/02/2002 là người thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai số 0006712 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Công M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã H, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Kim Xuyên**